

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001160

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

|                                              |                                           |                                            |                                            |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br><i>Nguyễn Thanh Công</i> | Cán bộ coi thi 2<br><i>Nguyễn Thị Hải</i> | G.Viên chấm thi 1<br><i>Nguyễn Văn Hải</i> | G.Viên chấm thi 2<br><i>Nguyễn Văn Hải</i> |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV          | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký   | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|-----------------------|------------|----------|-------|-------------|----------|----------|-----------|---------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | 2120220001 | DƯƠNG NGỌC AN         | 19/08/2002 | CCQ2022A |       | 140         | <i>Đ</i> | 75       | 55        | 63      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 2   | 2120110001 | NGUYỄN VŨ TUẤN ANH    | 29/11/2002 | CCQ2011A |       | 298         | <i>Đ</i> | 73       | 34        | 50      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 3   | 2120110038 | PHẠM QUANG BÌNH       | 21/10/2002 | CCQ2011B |       | 371         | <i>Đ</i> | 72       | 64        | 67      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 4   | 2119110172 | TRẦN MINH CHIẾN       | 22/07/2001 | CCQ1911F |       | 453         | <i>Đ</i> | 54       | 39        | 45      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 5   | 2120220002 | VŨ CÔNG CHÍNH         | 07/12/2002 | CCQ2022A |       | 140         | <i>Đ</i> | 64       | 35        | 47      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 6   | 2118110255 | LÊ VIỆT CƯỜNG         | 20/04/2000 | CCQ1811B |       |             |          |          |           |         | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 7   | 2120110040 | PHAN DUẤN             | 20/09/2002 | CCQ2011B |       | 371         | <i>Đ</i> | 88       | 42        | 60      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 8   | 2120110331 | NGUYỄN HOÀNG DŨNG     | 29/01/2002 | CCQ2011B |       | 453         | <i>Đ</i> | 72       | 49        | 58      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 9   | 2120110041 | MAI KHÁNH DUY         | 01/11/2002 | CCQ2011B |       | 140         | <i>Đ</i> | 75       | 33        | 50      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 10  | 2119110178 | PHẠM TẤN ĐẠT          | 01/02/2000 | CCQ1911F |       | 298         | <i>Đ</i> | 57       | 45        | 50      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 11  | 2118110183 | TRẦN LÊ ĐẠT           | 26/02/1999 | CCQ1811C |       |             |          |          |           |         | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 12  | 2119110177 | VÕ DUY ĐẠT            | 15/12/2001 | CCQ1911F |       | 453         | <i>Đ</i> | 68       | 62        | 64      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 13  | 2120110006 | VƯƠNG NGUYỄN MẠNH ĐẠT | 16/06/2000 | CCQ2011A |       | 140         | <i>Đ</i> | 76       | 61        | 67      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 14  | 2120110007 | VÕ TẤN ĐỦ             | 10/10/2002 | CCQ2011A |       | 298         | <i>Đ</i> | 50       | 30        | 38      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 15  | 2120110009 | NGUYỄN HUỖNH ĐỨC      | 13/02/2002 | CCQ2011A |       | 371         | <i>Đ</i> | 78       | 46        | 59      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 16  | 2120110008 | TRỊNH HOÀI ĐỨC        | 02/04/2002 | CCQ2011A |       | 453         | <i>Đ</i> | 67       | 42        | 52      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 17  | 2120220004 | NGUYỄN LÊ NGỌC HẢI    | 11/08/2002 | CCQ2022A |       | 140         | <i>Đ</i> | 72       | 51        | 59      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 18  | 2120220013 | NGUYỄN VĂN HẬU        | 20/02/2001 | CCQ2022A |       | 298         | <i>Đ</i> | 56       | 29        | 40      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 19  | 2120110012 | TRẦN NGỌC HIẾN        | 24/08/2001 | CCQ2011A |       |             |          |          |           |         | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 20  | 2119110179 | BÙI THÁI HIỆP         | 18/04/2001 | CCQ1911F |       | 453         | <i>Đ</i> | 61       | 44        | 51      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001160

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: .....  
Số bài thi: .....  
Số tờ giấy thi: .....

|                                              |                                           |                                            |                                            |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br><i>Nguyễn Thanh Công</i> | Cán bộ coi thi 2<br><i>Nguyễn Thị Hải</i> | G.Viên chấm thi 1<br><i>Nguyễn Thị Hải</i> | G.Viên chấm thi 2<br><i>Nguyễn Thị Hải</i> |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV          | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký           | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60%     | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên                                                                                                                                                                                                                                                    | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------|-----------------------|------------|----------|-------|-------------|------------------|-----------|----------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21  | 2120110332 | PHẠM HỮU HIẾU         | 18/09/2002 | CCQ2011B |       | 140         | <i>Hữu Hiếu</i>  | 71        | 28             | 45      | <input checked="" type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10 | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 22  | 2120220006 | NGUYỄN TẤN HỌC        | 26/04/2001 | CCQ2022A |       |             |                  |           | <i>Cấm thi</i> |         | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 23  | 2120110013 | TRƯƠNG NGỌC HỢP       | 02/06/2001 | CCQ2011A |       | 371         | <i>Hợp</i>       | 66        | 47             | 55      | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 24  | 2120110333 | NGUYỄN PHẠM ĐĂNG KHOA | 18/11/2002 | CCQ2011B |       | 453         | <i>K</i>         | 57        | 71             | 65      | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 25  | 2120110118 | ĐẶNG MINH KHÔI        | 31/03/2000 | CCQ2011D |       |             |                  |           | <i>Cấm thi</i> |         | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 26  | 2120110043 | NGUYỄN THỊ THÚY KIỂU  | 02/03/2002 | CCQ2011B |       | 298         | <i>Thúy Kiều</i> | 77        | 43             | 57      | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 27  | 2120110014 | LÊ HOÀNG NGỌC LÂN     | 19/12/2000 | CCQ2011A |       | 371         | <i>Lân</i>       | 83        | 75             | 78      | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 28  | 2120220014 | LÊ THỊ MỸ LINH        | 02/07/2001 | CCQ2022A |       | 153         | <i>Mỹ Linh</i>   | 80        | 65             | 71      | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 29  | 2120110048 | NGUYỄN THỊ VU MỸ      | 02/07/2002 | CCQ2011B |       | 140         | <i>Mỹ Vu</i>     | 70        | 48             | 57      | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 30  | 2120110049 | VŨ HOÀI NAM           | 18/03/2002 | CCQ2011B |       | 298         | <i>Hoài Nam</i>  | 67        | 61             | 63      | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 31  | 2120110018 | PHAN HỮU NGHỊ         | 02/04/2002 | CCQ2011A |       | 371         | <i>Hữu Nghị</i>  | 55        | 51             | 53      | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |
| 32  | 2119220005 | BÙI ĐỨC HỮU NGHĨA     | 14/05/2001 | CCQ1922A |       |             |                  |           | <i>Cấm thi</i> |         | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10            | <input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001161

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-35**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **32**

|                                          |                                          |                                           |                                           |
|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br><i>Nguyễn Văn...</i> | Cán bộ coi thi 2<br><i>Nguyễn Văn...</i> | G.Viên chấm thi 1<br><i>Nguyễn Văn...</i> | G.Viên chấm thi 2<br><i>Nguyễn Văn...</i> |
|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký         | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|----------------------|------------|----------|-------|-------------|----------------|-----------|------------|---------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | 2120110051 | HOÀNG KIM NGUYỄN     | 26/02/2002 | CCQ2011B |       | 140         | <i>nguy...</i> | 65        | 40         | 50      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 2   | 2120110326 | NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN  | 16/02/2001 | CCQ2011A |       | 298         | <i>nguy...</i> | 75        | 33         | 50      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 3   | 2120220008 | CAO VĂN NHÀN         | 25/09/2002 | CCQ2022A |       | 371         | <i>phan</i>    | 66        | 44         | 33      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 4   | 2120110053 | NGUYỄN HOÀNG UYÊN    | 03/11/2002 | CCQ2011B |       | 453         | <i>nhi</i>     | 65        | 47         | 54      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 5   | 2119220008 | HÀ VĂN NHIÊN         | 29/12/2001 | CCQ1922A |       | 140         | <i>Nhiên</i>   | 71        | 56         | 62      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 6   | 2120110054 | VÕ THỊ HOÀNG         | 20/05/2002 | CCQ2011B |       | 298         | <i>Canh</i>    | 78        | 45         | 58      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 7   | 2120110055 | NGÔ TẤN PHÁT         | 21/10/2002 | CCQ2011B |       | 371         | <i>Phát</i>    | 85        | 78         | 81      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 8   | 2120110021 | NGUYỄN HOÀNG PHÚ     | 16/06/2002 | CCQ2011A |       | 453         | <i>Phu</i>     | 73        | 45         | 56      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 9   | 2120110022 | PHAN THANH QUANG     | 10/09/2002 | CCQ2011A |       | 140         | <i>Quang</i>   | 75        | 42         | 55      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 10  | 2119110189 | THIẾU VĂN QUYÊN      | 25/04/2001 | CCQ1911F |       | 298         | <i>Quyên</i>   | 68        | 39         | 51      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 11  | 2120110023 | HỒ MINH SANG         | 31/05/2002 | CCQ2011A |       | 140         | <i>Sang</i>    | 59        | 31         | 42      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 12  | 2119110191 | NGUYỄN LONG SÂM      | 01/11/2001 | CCQ1911F |       | 453         | <i>Sâm</i>     | 58        | 28         | 40      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 13  | 2119220009 | LŨ THANH TÂM         | 14/11/1999 | CCQ1922A |       | 371         | <i>Tâm</i>     | 70        | 40         | 52      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 14  | 2120110060 | NGÔ THỊ NGỌC THANH   | 14/09/2002 | CCQ2011B |       | 298         | <i>Thanh</i>   | 79        | 55         | 65      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 15  | 2119110193 | BẠCH VĂN THÀNH       | 03/07/2001 | CCQ1911F |       | 140         | <i>Thành</i>   | 53        | 52         | 55      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 16  | 2120220009 | NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH  | 21/11/1998 | CCQ2022A |       | 453         | <i>Thành</i>   | 61        | 51         | 55      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 17  | 2120110025 | LÊ THỊ THANH THẢO    | 24/06/2002 | CCQ2011A |       | 371         | <i>Thanh</i>   | 79        | 40         | 56      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 18  | 2120110026 | NGUYỄN VĂN THIÊN     | 25/09/2000 | CCQ2011A |       | 298         | <i>Thiên</i>   | 55        | 49         | 51      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 19  | 2120110335 | ĐỖ MINH THUẬN        | 11/12/2002 | CCQ2011B |       | 371         | <i>Thuận</i>   | 61        | 21         | 37      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |
| 20  | 2119110123 | DƯƠNG ĐÌNH MINH TIẾN | 22/01/2000 | CCQ1911D |       | 453         | <i>Minh</i>    | 68        | 48         | 56      | <input checked="" type="radio"/> | <input checked="" type="radio"/>    |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001161

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-35**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **32**

|                      |                      |                       |                       |
|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br> | Cán bộ coi thi 2<br> | G.Viên chấm thi 1<br> | G.Viên chấm thi 2<br> |
|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|------------------|------------|----------|-------|-------------|--------|----------|-----------|---------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 21  | 2120110028 | NGUYỄN QUỐC TOÀN | 02/11/2002 | CCQ2011A |       | 140         |        | 75       | 52        | 61      |                                  |                                     |
| 22  | 2120110029 | HỒ THỊ THU       | 29/01/2002 | CCQ2011A |       | 298         |        | 83       | 53        | 65      |                                  |                                     |
| 23  | 2120110064 | NGUYỄN THỊ XUÂN  | 04/01/2002 | CCQ2011B |       | 371         |        | 69       | 34        | 48      |                                  |                                     |
| 24  | 2120110030 | TẠ THANH         | 04/08/2002 | CCQ2011A |       | 453         |        | 72       | 47        | 57      |                                  |                                     |
| 25  | 2120110032 | HUỖNH TRUNG      | 14/08/2002 | CCQ2011A |       | 140         |        | 83       | 34        | 50      |                                  |                                     |
| 26  | 2120110031 | NGUYỄN TRUNG     | 22/12/2002 | CCQ2011A |       | 298         |        | 72       | 31        | 47      |                                  |                                     |
| 27  | 2120110330 | ĐỖ NGUYỄN THÀNH  | 27/10/2002 | CCQ2011A |       | 371         |        | 73       | 32        | 48      |                                  |                                     |
| 28  | 2119060066 | TRƯƠNG ANH       | 08/07/2001 | CCQ1922A |       | 453         |        | 72       | 39        | 52      |                                  |                                     |
| 29  | 2120220011 | ĐÀO TĂNG TRƯỜNG  | 17/12/2002 | CCQ2022A |       | 140         |        | 79       | 56        | 65      |                                  |                                     |
| 30  | 2120110035 | LÊ NGUYỄN HUY    | 15/02/2002 | CCQ2011A |       | 298         |        | 71       | 53        | 60      |                                  |                                     |
| 31  | 2120110070 | NGUYỄN PHAN TUẤN | 24/06/2002 | CCQ2011B |       | 371         |        | 67       | 34        | 47      |                                  |                                     |
| 32  | 2120110034 | BÙI VĂN          | 02/08/2002 | CCQ2011A |       | 453         |        | 61       | 33        | 44      |                                  |                                     |